



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc  
ngày 30/6/2019

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 48

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2003.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101401706, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### **2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Sĩ Hiển	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 48, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN NGỌC QUYỀN**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019



Số: 012/2019/BCSXHN-HT.00019

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Dự án Khai thác và Chế biến đá Mable tại mỏ Nay Pu Taung, thị trấn Taunggyok, bang Rakhine, Myanmar đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đối với hai công trình tự làm là Đường vào mỏ và Nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lần lượt là 281.417,67 Đô la Mỹ (tương đương 6.393.806.963 đồng) và 1.037.826,36 Đô la Mỹ (tương đương 23.579.639.827 đồng) được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vào năm 2016, các chi phí khác của dự án đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016. Chúng tôi không được tiếp cận với các hồ sơ tài liệu liên quan đến các công trình này. Vì vậy, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

Giá trị tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà (Công ty con của Tập đoàn) được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/6/2019 lần lượt là 68.406.055.149 đồng và 47.186.664.955 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị tổng tài sản và nợ phải trả tại ngày 30/6/2019 vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và kiểm toán viên của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và các ảnh hưởng nếu có đến các khoản mục khác trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

**Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 3725-2016-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2019	01/01/2019
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>234.060.382.175</b>	<b>120.922.043.216</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.673.880.781</b>	<b>3.373.511.137</b>
Tiền	111	5.1	2.673.880.781	3.373.511.137
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>6.886.400.000</b>	<b>9.600.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	121		(2.713.600.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.600.000.000	5.600.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>217.308.408.466</b>	<b>100.709.636.759</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	169.046.656.447	50.260.947.749
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.807.921.486	2.342.921.486
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	5.006.330.196	5.006.330.196
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	57.382.079.772	56.829.416.763
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(16.934.579.435)	(13.729.979.435)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>6.270.128.620</b>	<b>6.238.576.004</b>
Hàng tồn kho	141		6.355.854.970	6.324.302.354
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.726.350)	(85.726.350)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>921.564.308</b>	<b>1.000.319.316</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	105.168.293	70.139.738
Thuế GTGT được khấu trừ	152		805.059.083	756.182.094
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	11.336.932	9.407.929
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	164.589.555
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>326.081.831.776</b>	<b>309.721.260.474</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.764.623.000</b>	<b>1.764.623.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.764.623.000	1.764.623.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.733.316.167</b>	<b>91.711.516.603</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	90.733.316.167	91.711.516.603
- Nguyên giá	222		131.510.202.930	131.510.202.930
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.776.886.763)	(39.798.686.327)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		244.160.000	244.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.160.000)	(244.160.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>4.055.142.038</b>	<b>4.131.165.820</b>
- Nguyên giá	231		5.321.664.830	5.321.664.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.266.522.792)	(1.190.499.010)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>78.216.133.092</b>	<b>78.216.133.092</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		75.902.112.441	75.902.112.441
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.314.020.651	2.314.020.651
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>150.085.498.595</b>	<b>132.824.816.100</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.985.498.595	1.224.816.100
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.400.000.000	135.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.300.000.000)	(4.300.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.227.118.884</b>	<b>1.073.005.859</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.227.118.884	1.073.005.859
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>560.142.213.951</b>	<b>430.643.303.690</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2019	01/01/2019
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>314.053.775.873</b>	<b>177.895.196.895</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>208.839.001.646</b>	<b>74.241.647.691</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	156.525.824.702	20.479.580.870
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.248.430.166	1.248.430.166
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	-	17.962.205
Phải trả người lao động	314		1.503.592.935	1.995.159.268
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	3.540.853.291	3.560.121.027
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	271.445.531	457.857.349
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	40.068.034.349	40.386.069.934
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	5.680.214.100	6.095.860.300
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.572	606.572
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.214.774.227</b>	<b>103.653.549.204</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	4.081.081.000	4.081.081.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.17	65.224.068.296	65.224.068.296
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	20.579.401.136	20.579.401.136
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	15.330.223.795	13.768.998.772
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>246.088.438.078</b>	<b>252.748.106.795</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>246.088.438.078</b>	<b>252.748.106.795</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.061.580.000	262.061.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.682.000)	(1.682.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.403.316.874	6.403.316.874
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.903.807	1.231.903.807
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.606.680.603)	(16.947.011.886)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(16.992.466.431)	(1.021.174.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.614.214.172)	(15.925.837.694)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>560.142.213.951</b>	<b>430.643.303.690</b>

Người lập biểu

MAI THÙY LINH

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HIẾU

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019  
Tổng Giám đốc

NGUYỄN NGỌC QUYỀN



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>20.143.481.826</b>	<b>13.347.141.200</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	255.902.279	47.248.908
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>19.887.579.547</b>	<b>13.299.892.292</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.3	14.266.804.025	7.737.912.429
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>5.620.775.522</b>	<b>5.561.979.863</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	260.922.424	362.460.539
Chi phí tài chính	22	6.5	2.779.538.018	770.086.749
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.5	65.938.018	767.996.703
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(239.317.505)	210.616.684
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	7.888.597.564	5.502.507.493
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(5.025.755.141)</b>	<b>(137.537.156)</b>
Thu nhập khác	31	6.6	-	471.559.511
Chi phí khác	32	6.7	27.234.008	6.967.132
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(27.234.008)	464.592.379
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(5.052.989.149)</b>	<b>327.055.223</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	143.496.979
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	1.561.225.023	72.652.297
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(6.614.214.172)</b>	<b>110.905.947</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(6.614.214.172)	110.905.947
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.12</b>	<b>(252,39)</b>	<b>4,23</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>6.12</b>	<b>(252,39)</b>	<b>4,23</b>

Người lập biểu

MAI THÙY LINH

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HIẾU

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC QUYÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(5.052.989.149)	327.055.223
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.054.224.218	4.128.301.733
Các khoản dự phòng	03		5.918.200.000	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(32.982.234)	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		11.390.354	(567.697.598)
Chi phí lãi vay	06		65.938.018	767.996.703
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	24.990.098
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.963.768.168</b>	<b>4.680.646.159</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(1.007.118.727)	(1.346.802.004)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(31.552.616)	(3.581.170.158)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(981.662.840)	1.894.667.305
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(189.141.580)	(6.495.791)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(65.938.018)	(109.864.156)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.195.011)	(18.042.425)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(320.840.624)</b>	<b>1.512.938.930</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.874.134	357.080.914
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.874.134</b>	<b>357.080.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.2	1.984.986.900	4.013.727.800
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(2.400.633.000)	(4.426.246.900)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(415.646.100)</b>	<b>(412.519.100)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50		<b>(732.612.590)</b>	<b>1.457.500.744</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.373.511.137	1.739.499.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.982.234	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>			<b>2.673.880.781</b>	<b>3.197.000.253</b>

Người lập biểu



MAI THÙY LINH

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ HIẾU

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC QUYỀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
 Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
 từ ngày 01/01/2019 và kết  
 thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2003.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101401706, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ, bao gồm: Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Giáo dục nghề nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc tập đoàn**

- a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 02 công ty con (tại ngày 01/01/2019: 02 công ty con)
- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 02 công ty
  - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Các chi nhánh của Công ty tại ngày 30/6/2019 bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, P. Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
2	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

b) Các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ	
			% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà	Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội	98,00%	100%

c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Tập đoàn	
			% phần sở hữu	% quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Lô CN - B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội.	42,80%	42,80%
2	Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 5, tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội.	35,83%	35,83%
3	Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	Khu công nghiệp phía nam, Thành phố Yên Bái, Yên Bái.	49,09%	45,00%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/6/2018, và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

*Giá trị hợp lý/giá thị trường của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:*

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập chung tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.7 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 – 35 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị               | 05 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 năm      |
| ▪ Tài sản cố định khác            | 08 năm      |

**4.8 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 35 năm.

**4.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**4.10 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.11 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

**Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC**

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;

Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

**4.16 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Cổ phiếu quỹ:**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**4.17 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

**4.18 Doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.19 Chi phí**

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

**4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.21 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
 Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
 từ ngày 01/01/2019 và kết  
 thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.22 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.117.200.435	1.381.010.507
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	556.680.346	1.992.500.630
<b>Cộng</b>	<b><u>2.673.880.781</u></b>	<b><u>3.373.511.137</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	Mã chứng khoán	30/6/2019				01/01/2019			
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	SJF	480.000	4.000.000.000	1.286.400.000	(2.713.600.000)	480.000	4.000.000.000	4.152.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>4.000.000.000</b>	<b>1.286.400.000</b>	<b>(2.713.600.000)</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.152.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và  
kết thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

(\*) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(2.713.600.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(2.713.600.000)</b>	<b>-</b>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>30/6/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
Trái phiếu	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/6/2019					01/01/2019				
	% vốn nắm giữ	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn nắm giữ	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	42,80%	42,80%	23.970.000.000	-	(**)	42,80%	42,80%	23.970.000.000	-	(**)
+ Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	35,83%	35,83%	2.900.000.000	1.146.780.050	(**)	35,83%	35,83%	2.900.000.000	1.224.816.100	(**)
+ Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	49,09%	45,00%	147.000.000.000	146.838.718.545	(**)	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>			<b>173.870.000.000</b>	<b>147.985.498.595</b>	<b>(**)</b>			<b>26.870.000.000</b>	<b>1.224.816.100</b>	<b>(**)</b>

**Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/6/2019					01/01/2019				
	% vốn nắm giữ	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn nắm giữ	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(**)	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(**)
+ Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(**)	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(**)
+ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(**)	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(**)
+ Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	-	-	-	-	-	21,13%	18,33%	11.000.000.000	-	(**)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây	-	-	-	-	-	9,38%	9,38%	118.500.000.000	-	(**)
<b>Cộng</b>			<b>6.400.000.000</b>	<b>(4.300.000.000)</b>	<b>(**)</b>			<b>135.900.000.000</b>	<b>(4.300.000.000)</b>	<b>(**)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- (\*) Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết (xem tại thuyết minh số 8.2)
- (\*\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- (\*\*\*) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(4.300.000.000)	(4.642.000.000)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>(4.300.000.000)</u></b>	<b><u>(4.642.000.000)</u></b>

**5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
+ Nguyễn Thị Thanh Thủy	29.700.000.000	29.700.000.000
+ Nguyễn Thị Hương Trà	118.500.000.000	-
+ Lê Tuấn Việt	16.023.000.000	16.023.000.000
+ Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
+ Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà	759.536.000	755.336.000
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	2.087.766.225	1.806.257.527
<b>Cộng</b>	<b><u>169.046.656.447</u></b>	<b><u>50.260.947.749</u></b>

(\*) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (xem tại thuyết minh số 8.2)

**5.4. Phải thu về cho vay**

	<u>30/6/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.006.330.196</b>	<b>(5.006.330.196)</b>	<b>5.006.330.196</b>	<b>(5.006.330.196)</b>
+ Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	5.006.330.196	(5.006.330.196)	5.006.330.196	(5.006.330.196)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.006.330.196</u></b>	<b><u>(5.006.330.196)</u></b>	<b><u>5.006.330.196</u></b>	<b><u>(5.006.330.196)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.5. Phải thu khác**

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu người lao động	2.011.744.681	-	1.063.332.350	-
Hoạt động hợp tác kinh doanh	48.447.236.597	-	47.883.176.128	-
+ Cán bộ công nhân viên	5.750.000.000	-	5.750.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn	18.354.426.032	-	18.354.426.032	-
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang	23.593.663.926	-	23.593.663.926	-
+ Công ty cổ phần đầu tư HaFa	311.988.632	-	98.705.566	-
+ Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà	437.158.007	-	86.380.604	-
Phải thu khác	6.923.098.494	(960.746.452)	7.882.908.285	(960.746.452)
<b>Cộng</b>	<b>57.382.079.772</b>	<b>(960.746.452)</b>	<b>56.829.416.763</b>	<b>(960.746.452)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.764.623.000	-	1.764.623.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.764.623.000</b>	<b>-</b>	<b>1.764.623.000</b>	<b>-</b>

**5.6. Nợ xấu**

	30/6/2019			01/01/2019		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
+ Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Trên 3 năm	6.982.684.418	-	Trên 3 năm	6.982.684.418	-
+ Lê Tuấn Việt	Từ 01 năm đến 02 năm	16.023.000.000	8.011.500.000	Từ 6 tháng đến 1 năm	16.023.000.000	11.216.100.000
+ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác		1.940.395.017	-		1.940.395.017	-
<b>Cộng</b>		<b>24.946.079.435</b>	<b>8.011.500.000</b>		<b>24.946.079.435</b>	<b>11.216.100.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

(\*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(13.729.979.435)	(8.923.079.435)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(3.204.600.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(16.934.579.435)</b>	<b>(8.923.079.435)</b>

**5.7. Hàng tồn kho**

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.170.314	-	24.817.698	-
Công cụ, dụng cụ	8.313.343	-	8.113.343	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	133.622.714	(85.726.350)	133.622.714	(85.726.350)
Thành phẩm	6.157.748.599	-	6.157.748.599	-
<b>Cộng</b>	<b>6.355.854.970</b>	<b>(85.726.350)</b>	<b>6.324.302.354</b>	<b>(85.726.350)</b>

**5.8. Tài sản dở dang dài hạn**

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
<b>Cộng</b>	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351.780.000.000 đồng căn cứ Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị với phương án thi công 12 tầng và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 30/6/2019 giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Công ty đang xây dựng phương án triển khai và điều chỉnh quy hoạch. Dự án sẽ được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt phương án điều chỉnh và Công ty thu xếp được vốn đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
 Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
 từ ngày 01/01/2019 và kết  
 thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

## b) Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng Khu CN Phụng Hiệp (*)	2.314.020.651	2.314.020.651
<b>Cộng</b>	<b><u>2.314.020.651</u></b>	<b><u>2.314.020.651</u></b>

## (\*) Thông tin về dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp có tổng mức đầu tư dự kiến là 3.088,2 tỷ đồng và được thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 24 tháng kể từ Quý III/2018 đến Quý III/2020. Việc thi công xây dựng dự án sẽ được thực hiện sau khi Công ty làm việc với UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Viện quy hoạch Hà Nội về việc cập nhật quy hoạch vùng và quy hoạch chung của huyện Thường Tín để điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp và đền bù, hỗ trợ, di dời giải phóng mặt bằng...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>84.345.679.506</b>	<b>44.545.583.466</b>	<b>1.665.074.567</b>	<b>648.039.391</b>	<b>305.826.000</b>	<b>131.510.202.930</b>
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/6/2019</b>	<b>84.345.679.506</b>	<b>44.545.583.466</b>	<b>1.665.074.567</b>	<b>648.039.391</b>	<b>305.826.000</b>	<b>131.510.202.930</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>24.151.150.073</b>	<b>14.384.922.754</b>	<b>545.356.290</b>	<b>446.473.730</b>	<b>270.783.480</b>	<b>39.798.686.327</b>
Khấu hao trong kỳ	870.303.592	672.410	88.110.306	-	19.114.128	978.200.436
Tăng do phân loại lại	-	-	137.788.337	-	-	137.788.337
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	(137.788.337)	-	(137.788.337)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/6/2019</b>	<b>25.021.453.665</b>	<b>14.385.595.164</b>	<b>771.254.933</b>	<b>308.685.393</b>	<b>289.897.608</b>	<b>40.776.886.763</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2019	60.194.529.433	30.160.660.712	1.119.718.277	201.565.661	35.042.520	91.711.516.603
<b>Tại ngày 30/6/2019</b>	<b>59.324.225.841</b>	<b>30.159.988.302</b>	<b>893.819.634</b>	<b>339.353.998</b>	<b>15.928.392</b>	<b>90.733.316.167</b>

(\*) Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 26.179.321.510 đồng

(\*) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.722.132.331 đồng

(\*) Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và  
kết thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình****Khoản mục****Nguyên giá****Số dư 01/01/2019**

Thanh lý, nhượng bán

**Số dư 30/6/2019****Giá trị đã hao mòn lũy kế****Số dư 01/01/2019**

Khấu hao trong năm

Thanh lý, nhượng bán

**Số dư 30/6/2019****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2019

Tại ngày 30/6/2019

	<u>Phân mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>244.160.000</b>	<b>244.160.000</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư 30/6/2019</b>	<b>244.160.000</b>	<b>244.160.000</b>
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>244.160.000</b>	<b>244.160.000</b>
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư 30/6/2019</b>	<b>244.160.000</b>	<b>244.160.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2019</b>	-	-

(\*) Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có

(\*) Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 244.160.000 đồng

**5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****Khoản mục****01/01/2019****Tăng trong kỳ****Giảm trong kỳ****30/6/2019**

VND

VND

VND

VND

**Bất động sản đầu tư cho thuê****Nguyên giá**

- Nhà

- Nhà và quyền sử dụng đất

- Cơ sở hạ tầng

**Giá trị đã hao mòn lũy kế**

- Nhà

+ *Khấu hao trong năm*

- Nhà và quyền sử dụng đất

- Cơ sở hạ tầng

**Giá trị còn lại**

- Nhà

- Nhà và quyền sử dụng đất

- Cơ sở hạ tầng

5.321.664.830

5.321.664.830

-

-

1.190.499.010

1.190.499.010

-

-

-

4.131.165.820

4.131.165.820

-

-

-

-

-

-

76.023.782

76.023.782

76.023.782

-

-

(76.023.782)

(76.023.782)

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

5.321.664.830

5.321.664.830

-

-

1.266.522.792

1.266.522.792

76.023.782

-

-

4.055.142.038

4.055.142.038

-

-

(\*) Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.055.142.038 đồng

(\*) Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không có

(\*) Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định lại vì không có giao dịch gần đây trên thị trường đối với bất động sản tương tự và cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
 Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
 từ ngày 01/01/2019 và  
 kết thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.12. Chi phí trả trước**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	3.522.927	54.986.228
Các khoản khác	101.645.366	15.153.510
<b>Cộng</b>	<b><u>105.168.293</u></b>	<b><u>70.139.738</u></b>
	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	524.217.501	361.975.042
Thuế GTGT không được khấu trừ	438.991.383	447.120.817
Các khoản khác	263.910.000	263.910.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.227.118.884</u></b>	<b><u>1.073.005.859</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.13. Vay và nợ thuê tài chính**

## a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
+ Nguyễn Thị Lâm	443.000.000	443.000.000	-	-	443.000.000	-
+ Ngân hàng BIDV–Chi nhánh Hà Tây	1.635.014.100	1.635.014.100	1.984.986.900	2.152.025.700	1.802.052.900	1.802.052.900
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
+ Vay cá nhân	-	-	-	248.607.400	248.607.400	248.607.400
+ Ngân hàng BIDV	3.602.200.000	3.602.200.000	-	-	3.602.200.000	3.602.200.000
<b>Cộng</b>	<b>5.680.214.100</b>	<b>5.680.214.100</b>	<b>1.984.986.900</b>	<b>2.400.633.100</b>	<b>6.095.860.300</b>	<b>6.095.860.300</b>

## b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Ngân hàng BIDV	20.579.401.136	20.579.401.136	-	-	20.579.401.136	20.579.401.136
<b>Cộng</b>	<b>20.579.401.136</b>	<b>20.579.401.136</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.579.401.136</b>	<b>20.579.401.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Nguyễn Thị Đức	11.550.000.000	11.550.000.000	11.550.000.000	11.550.000.000
+ Nguyễn Thị Phương Thanh	136.000.000.000	136.000.000.000	-	-
+ Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819
+ Xí nghiệp XD Thành Công	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513
+ Công ty TNHH Hải Ngọc	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150
+ Công ty cổ phần Thiên Long	1.057.282.162	1.057.282.162	1.057.282.162	1.057.282.162
+ Phải trả cho các đối tượng khác	4.415.498.058	4.415.498.058	4.369.254.226	4.369.254.226
<b>Cộng</b>	<b>156.525.824.702</b>	<b>156.525.824.702</b>	<b>20.479.580.870</b>	<b>20.479.580.870</b>

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

## a) Phải nộp

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.337.005	1.929.003	7.266.008	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.625.200	80.193.230	92.818.430	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	26.402.912	26.402.912	-
<b>Cộng</b>	<b>17.962.205</b>	<b>115.525.145</b>	<b>133.487.350</b>	<b>-</b>

## b) Phải thu

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.407.929	-	1.929.003	11.336.932
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.407.929</b>	<b>1.929.003</b>	<b>-</b>	<b>11.336.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền ăn ca	52.100.000	69.350.000
Chi phí lãi vay trích trước	3.356.640.991	3.356.640.991
Các khoản trích trước khác	132.112.300	134.130.036
<b>Cộng</b>	<b><u>3.540.853.291</u></b>	<b><u>3.560.121.027</u></b>

**5.17. Phải trả khác**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn	217.918.794	246.274.652
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	155.824.238	3.896.619
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.034.235.140	17.034.235.140
+ Nguyễn Công Kiên	9.653.674.316	9.653.674.316
+ Viettralimex Company	3.526.598.078	3.526.598.078
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.469.328.783	9.910.936.129
<b>Cộng</b>	<b><u>40.068.034.349</u></b>	<b><u>40.386.069.934</u></b>

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	936.222.363	936.222.363
+ Vốn nhận hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển (1)	5.750.000.000	5.750.000.000
+ Vốn nhận hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà (2)	48.407.281.933	48.407.281.933
+ Vốn nhận hợp tác kinh doanh vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (3)	10.130.564.000	10.130.564.000
<b>Cộng</b>	<b><u>65.224.068.296</u></b>	<b><u>65.224.068.296</u></b>

**Thuyết minh chi tiết Phải trả dài hạn tại ngày 30/6/2019:**

(1) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm:

- +> Bên nhận góp vốn: Công ty cổ phần Simco Sông Đà;

- +> Bên góp vốn: các cá nhân.

- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển. Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

<b>Bên góp vốn</b>	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>Vốn góp hợp tác kinh doanh</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>5.750.000.000</b>
+ Các cá nhân	5.750.000.000	5.750.000.000
<b>Chi phí trích lập dự phòng tổn thất đầu tư</b>	<b>(5.750.000.000)</b>	<b>(5.750.000.000)</b>
+ Các cá nhân	(5.750.000.000)	(5.750.000.000)

- (2) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (công ty con):

- Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm:
  - +> Bên nhận góp vốn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà;
  - + Bên góp vốn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang.
- Các bên tham gia hợp tác kinh doanh đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư và cùng nhau góp vốn thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble - mỏ Nayputaung - Bang Rakhine - Myanmar ("Dự án"). Theo đó, các bên sẽ cùng nhau điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (Công ty cổ phần hữu hạn được thành lập để thực hiện Dự án khai thác đá Marble tại Myanmar).
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

<b>Bên góp vốn</b>	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>Vốn góp hợp tác kinh doanh</b>	<b>48.407.281.933</b>	<b>48.407.281.933</b>
+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn	21.180.651.528	21.180.651.528
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang	27.226.630.405	27.226.630.405
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế</b>	<b>(41.948.089.958)</b>	<b>(41.948.089.958)</b>
+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn	(18.354.426.032)	(18.354.426.032)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang	(23.593.663.926)	(23.593.663.926)

- (3) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm:
  - +> Bên nhận góp vốn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà;
  - + Bên góp vốn: Công ty cổ phần đầu tư HaFa và Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTĐ ngày 14/03/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 28/11/2018 cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Trường cao đẳng nghề Simco Sông Đà.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

<b>Bên góp vốn</b>	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>Vốn góp hợp tác kinh doanh</b>	<b>10.130.564.000</b>	<b>10.130.564.000</b>
+ Công ty cổ phần đầu tư HaFa	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà	6.130.564.000	6.130.564.000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế</b>	<b>(749.146.639)</b>	<b>(185.086.170)</b>
+ Công ty cổ phần đầu tư HaFa	(311.988.632)	(98.705.566)
+ Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà	(437.158.007)	(86.380.604)
	<b>Từ 01/01/2019</b> <b>đến 30/6/2019</b> VND	<b>Từ 01/01/2018</b> <b>đến 30/6/2018</b> VND
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh phân bổ cho bên góp vốn hợp tác kinh doanh</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	712.831.247	1.009.968.536
Giá vốn hàng bán	(529.902.353)	(454.607.187)
Doanh thu hoạt động tài chính	107.027	78.972
Chi phí tài chính	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(747.096.390)	(567.590.593)
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(564.060.469)</b>	<b>(12.150.272)</b>
	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.034.235.140	17.034.235.140
<b>Cộng</b>	<b>17.034.235.140</b>	<b>17.034.235.140</b>

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	271.445.531	457.857.349
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>271.445.531</u></b>	<b><u>457.857.349</u></b>
	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước	4.081.081.000	4.081.081.000
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.081.081.000</u></b>	<b><u>4.081.081.000</u></b>

**5.19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	15.330.223.795	13.768.998.772
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.330.223.795</u></b>	<b><u>13.768.998.772</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.20. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LN sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư 01/01/2018</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>5.976.048.680</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>(3.782.532.299)</b>	<b>265.485.318.188</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	427.268.194	-	2.739.145.050	3.166.413.244
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(15.903.624.637)	(15.903.624.637)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>6.403.316.874</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>(16.947.011.886)</b>	<b>252.748.106.795</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lô trong kỳ này	-	-	-	-	(6.614.214.172)	(6.614.214.172)
Giảm khác	-	-	-	-	(45.454.545)	(45.454.545)
<b>Số dư 30/6/2019</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>6.403.316.874</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>(23.606.680.603)</b>	<b>246.088.438.078</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
Vốn góp của các cổ đông	262.061.580.000	262.061.580.000
<b>Cộng</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>262.061.580.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<b>Từ 01/01/2019</b> <b>đến 30/6/2019</b> VND	<b>Từ 01/01/2018</b> <b>đến 30/6/2018</b> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	262.061.580.000	262.061.580.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	262.061.580.000	262.061.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## d) Cổ phiếu

	<b>30/6/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
+ Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
+ Cổ phiếu phổ thông	168	168
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
+ Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

## đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/6/2019:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

## a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		01/01/2019	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
<b>Tiền mặt ngoại tệ</b>				
JPY	-	-	719.543,00	150.039.106
MMK	645.285,03	11.350.564	645.285,03	11.350.564
USD	2.675,92	61.956.769	2.675,92	61.947.554
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>				
JPY	82.469,00	17.739.082	6.499.954,00	1.355.370.408
USD	1.579,36	36.673.546	860,94	19.930.763
EURO	127,62	3.384.738	127,62	3.384.738
<b>Cộng</b>		<b>131.104.699</b>		<b>1.602.023.133</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.143.481.826	13.347.141.200
+ Dịch vụ xuất khẩu lao động	17.493.118.752	11.359.334.942
+ Dịch vụ khác	2.650.363.074	1.987.806.258
<b>Cộng</b>	<b>20.143.481.826</b>	<b>13.347.141.200</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: xem chi tiết tại thuyết minh số 8.2

**6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	255.902.279	47.248.908
<b>Cộng</b>	<b>255.902.279</b>	<b>47.248.908</b>

**6.3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.266.804.025	7.737.912.429
+ Dịch vụ xuất khẩu lao động	13.102.397.585	6.842.560.611
+ Dịch vụ khác	1.164.406.440	895.351.818
<b>Cộng</b>	<b>14.266.804.025</b>	<b>7.737.912.429</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	227.940.190	357.080.914
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.982.234	5.379.625
<b>Cộng</b>	<b><u>260.922.424</u></b>	<b><u>362.460.539</u></b>

**6.5. Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	65.938.018	767.996.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.090.046
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.713.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.779.538.018</u></b>	<b><u>770.086.749</u></b>

**6.6. Thu nhập khác**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	9.692.769
Các khoản khác	-	461.866.742
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>471.559.511</u></b>

**6.7. Chi phí khác**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	27.234.008	6.967.132
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.234.008</u></b>	<b><u>6.967.132</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7.888.597.564	5.502.507.493
Chi phí nhân viên quản lý	3.111.218.675	3.124.272.619
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.883.134	364.725.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.629.727	229.889.919
Chi phí dự phòng	3.204.600.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	616.913.545	592.645.385
Chi phí bằng tiền khác	712.352.483	1.190.974.033
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.888.597.564</b>	<b>5.502.507.493</b>

**6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.353.439	221.147.937
Chi phí nhân công	9.409.044.140	6.848.123.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.054.224.218	4.176.040.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.013.775.820	4.600.799.692
Chi phí khác bằng tiền	5.528.142.735	2.268.413.124
<b>Cộng</b>	<b>20.312.540.352</b>	<b>18.114.525.080</b>

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	143.496.979
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>143.496.979</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
	VND	VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.561.225.023	72.652.297
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>1.561.225.023</u></b>	<b><u>72.652.297</u></b>

**6.12. Lãi trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Đơn vị tính	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND (6.614.214.172)	110.905.947
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND -	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND (6.614.214.172)</b>	<b>110.905.947</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần 26.205.990	26.205.990
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần (252,39)	4,23
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần (252,39)	4,23

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7.2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.984.986.900	4.013.727.800
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.984.986.900</b>	<b>4.013.727.800</b>

**7.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.400.633.000	4.426.246.900
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền trả nợ dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.400.633.000</b>	<b>4.426.246.900</b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan**

## a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên doanh liên kết
2	Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên doanh liên kết
3	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

## b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
1	Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	VND 885.413.200	VND 1.124.240.000

## c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác: không phát sinh

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ/Giao dịch	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
1	Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên doanh liên kết Dịch vụ cho thuê văn phòng	VND 132.521.088	VND 133.593.195

## d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2019	01/01/2019
1	Phải thu của khách hàng ngắn hạn		VND	VND
+	Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên doanh liên kết	1.976.354.222	1.976.354.222
+	Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên doanh liên kết	446.103.207	376.330.346
2	Phải thu về cho vay ngắn hạn			
+	Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên doanh liên kết	5.006.330.196	5.006.330.196
3	Phải trả người bán ngắn hạn			
+	Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên doanh liên kết	4.600.000	4.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Bộ phận theo hoạt động kinh doanh**

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khoản mục	Dịch vụ xuất khẩu lao động		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	17.237.216.473	11.312.086.034			17.237.216.473	11.312.086.034
Chi phí của bộ phận	(13.102.397.585)	(6.842.560.611)			(13.102.397.585)	(6.842.560.611)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.134.818.888	4.469.525.423			4.134.818.888	4.469.525.423
Doanh thu không phân bổ			2.671.967.993	2.560.883.481	2.671.967.993	2.560.883.481
Chi phí không phân bổ			(11.832.542.022)	(7.167.946.060)	(11.832.542.022)	(7.167.946.060)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(5.025.755.141)	(137.537.156)
Thu nhập khác			-	471.559.511	-	471.559.511
Chi phí khác			(27.234.008)	(6.967.132)	(27.234.008)	(6.967.132)
Chi phí thuế TNDN			-	(143.496.979)	-	(143.496.979)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.561.225.023)	(72.652.297)	(1.561.225.023)	(72.652.297)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>(6.614.214.172)</b>	<b>110.905.947</b>

Khoản mục	DV xuất khẩu lao động		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	30/6/2019	01/01/2019	30/6/2019	01/01/2019	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	560.142.213.951	430.643.303.690	560.142.213.951	430.643.303.690
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	<b>560.142.213.951</b>	<b>430.643.303.690</b>	<b>560.142.213.951</b>	<b>430.643.303.690</b>
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	314.053.775.873	177.895.196.895	314.053.775.873	177.895.196.895
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	<b>314.053.775.873</b>	<b>177.895.196.895</b>	<b>314.053.775.873</b>	<b>177.895.196.895</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông,  
Tp. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2019 và kết  
thúc ngày 30/6/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**8.4 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Tập đoàn đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/6/2018 của Tập đoàn đã được soát xét.

**Người lập biểu**



**MAI THÙY LINH**

**Kế toán trưởng**



**PHẠM THỊ HIẾU**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN NGỌC QUYÊN**